TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2018/DS-PT
Ngày: 04 – 10 - 2018
V/v "Tranh chấp đòi tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: 1. Ông Cao Minh Lễ;

2. Ông Lưu Hữu Giàu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2018/TLPT-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2018/QĐXX- DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hớn Q, sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ 6, khóm C, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 30, khóm C, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Hớn Q là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hớn Q (sau đây gọi tắt là bà Q) trình bày:

Năm 2017, bà có thỏa thuận bán nhà và đất tọa lạc số 46, lô 06, tuyến dân cư Đông Bến Vựa, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang cho bà Nguyễn Thị Ph (sau đây gọi tắt là bà Ph) với số tiền 280.000.000 đồng, có xác lập hợp đồng mua bán nhà ngày 19/10/2017 nhưng không công chứng, chứng thực của cơ Qn

có thẩm quyền, vì giấy tờ nhà, đất do bà Nguyễn Thị Ng (sau đây gọi tắt là bà Ng) đứng tên. Bà và bà P thỏa thuận mọi chi phí do bà P phải chịu.

Bà P trả đủ cho bà nhận 280.000.000 đồng, bà giao toàn bộ giấy tờ có liên Qn đến nhà, đất cho bà P. Khoảng 30 phút sau khi giao tiền, bà P trở lại cho bà biết là đất không chuyển nhượng được do có nợ thuế nhà nước 50% tương đương 37.500.000 đồng, nên bà P hỏi mượn của bà 18.750.000 đồng để chi trả cho phòng công chứng Nhà nước, do bà P khóc và van xin, con của bà là Hà Lâm Hồng Liên (sau đây gọi tắt là bà Liên) yêu cầu bà cho bà P mượn 18.750.000 đồng, nên bà đồng ý, nhưng không làm biên nhận nợ.

Sau đó, bà đến nhà bà P đòi 18.750.000 đồng, nhưng bà P hẹn ngày sau nói chuyện. Ngày hôm sau, bà P không đến, nên bà gọi điện thoại nhưng bà P không nghe, bà dùng số điện thoại của con bà gọi đến bà P, bà P có nghe điện thoại, bà có ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà và bà P, theo nội dung ghi âm, bà P thừa nhận có nhận của bà số tiền 18.750.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà P trả cho bà 18.750.000 đồng, không tính lãi.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà P trình bày:

Ngày 19/10/2017 bà có nhận chuyển nhượng nhà, đất của bà Q với giá 280.000.000 đồng, có lập hợp đồng mua bán, đã giao nhận đủ số tiền mua bán nhà, đất.

Bà liên hệ Phòng công chứng Nhà nước để thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, được biết phần đất của bà Q chuyển nhượng cho bà chưa nộp thuế 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, thành tiền là 37.500.000 đồng. Việc này, bà Q không cho bà biết khi thỏa thuận chuyển nhượng, bà trở lại yêu cầu bà Q nộp khoản tiền 37.500.000 nhưng bà Q không đồng ý, nên bà yêu cầu bà Q trả lại 280.000.000 đồng, bà Q không đồng ý, bà khóc và van xin bà Q chịu 20.000.000 đồng nhưng bà Q cũng không đồng ý. Lúc này, bà Ng đến chứng kiến sự việc và bà Ng có xin bà Q cho bà 20.000.000 đồng; đồng thời, con của bà Q là bà L đề nghị mỗi bên chịu phân nữa, theo đó bà Q chịu 18.750.000 đồng và bà chịu 18.750.000 đồng, riêng các chi phí khác bà chịu, bà Q đồng ý và bà Q có đưa cho bà 18.750.000 đồng để nộp thuế. Nay thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ bà Ng qua tên bà đã hoàn tất và bà đã được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 16/3/2018.

Nội dung ghi âm ngày 30/11/2017 do bà Q cung cấp cho Tòa án, đúng là giọng nói của bà, nhưng nội dung ghi âm không có lời nói nào bà thừa nhận mượn của bà Q 18.750.000 đồng.

Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hớn Q yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả số tiền 18.750.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, bà Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà P phải trả 18.750.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- *Bà Q trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Bà P trình bày:* Giữ nguyên ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Q.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc kháng cáo: Bà Q thực hiện kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của của Tòa án nhân dân thành phố C, bà Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Bà Q nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định, bà Q thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Tuy bà P thừa nhận có cuộc điện thoại trao đổi Q lại với nội dung như đoạn ghi âm được bà Q viết lại tại Văn bản tường trình nội dung ghi âm đề ngày 30/11/2017, nhưng nội dung đoạn ghi âm không có lời thoại bà P thừa nhận mượn 18.750.000 đồng của bà Q; chỉ thể hiện lời thoại tranh cãi Q lại giữa bà Q và bà P về khoản tiền chuyển nhượng nhà, đất giao chưa đủ và tranh cãi về việc chia đôi khoản tiền thuế sử dụng đất.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q cũng thừa nhận nội dụng ghi âm không có lời thoại bà P thừa nhận mượn 18.750.000 đồng của bà Q.

[2.3]. Theo Biên bản ghi lời khai đối chất giữa bà Q, bà P và bà Ng do Tòa án nhân dân thành phố C lập ngày 15/3/2018, lời khai của bà Ng thừa nhận có chứng kiến việc bà P có xin bà Q về khoản tiền thuế sử dụng đất và có chứng

kiến việc bà Liên là con của bà Q đề nghị chia đôi tiền thuế, mỗi bên chịu 18.750.000 đồng.

Do đó, việc bà P trình bày có nhận 18.750.000 đồng của bà Q là số tiền bà Q phải chịu tiền thuế sử dụng đất là có cơ sở.

[2.4]. Theo Hợp đồng mua bán nhà – nền nhà ngày 19/10/2017, bà Q và bà P không thỏa thuận bên phải chịu về khoản nợ thuế sử dụng đất đã ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Q không có chứng cứ chứng minh về việc bà P mượn 18.750.000 đồng, nên Tòa án nhân dân thành phố C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q là đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại cấp phúc thẩm, bà Q cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc bà P có mượn 18.750.000 đồng, nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Q.

[3]. Về án phí: Bà Q có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Q.

Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hớn Q.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang về phần án phí dân sự sơ thẩm.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hớn Q.

4. Về án phí:

- Bà Hớn Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hớn Q được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 469.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0014922 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Bà Hớn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND. AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Ngọc Phỉ